

DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ THI TỐT NGHIỆP
CHỨNG CHỈ CHUẨN KỸ NĂNG SỬ DỤNG CNTT NÂNG CAO - KHÓA ITA.34B
MÔN: THỰC HÀNH ỨNG DỤNG - MÃ MÔN: B3

Thời gian: 18h30 - Ngày 20/9/2018 - Phòng máy 507/Tầng 5 - Tại 03 Quang Trung

Số TT	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp DTU	MSSV	Lớp TT	Chữ ký	ĐIỂM		Ghi chú
									Số	Chữ	
1	Trần Thị Bích	Ánh	10/11/1997	Đắk Lắk	K21LAW1	2120863952	ITA.34B	<i>[Signature]</i>	8,0	Tạm y	
2	Đào Đức	Đạt	27/08/1997	Gia Lai	K21VLK	2121863976	ITA.34B	<i>[Signature]</i>	8,0	Tạm y	
3	Trần Thị Thanh	Diệu	15/12/1997	Quảng Nam	K21VLK2	2120868624	ITA.34B	<i>[Signature]</i>	8,5	Tạm y	
4	Phan Thục	Đoan	15/11/1997	Quảng Nam	K21VLK	2120867110	ITA.34B	<i>[Signature]</i>	7,0	Báo y	
5	Ngô Công	Doanh	01/01/1997	Đắk Lắk	K21VLK2	2121869142	ITA.34B	<i>[Signature]</i>	8,0	Tạm y	
6	Lê Bá	Đồng	12/05/1995	Quảng Trị	K20EVT	2021166363	ITA.34B	<i>[Signature]</i>	5,0	Năm y	
7	Lê Phương	Dung	04/05/1997	Quảng Nam	K21PSUQTH4	2120114110	ITA.34B	<i>[Signature]</i>	8,5	Tạm y	
8	Nguyễn Thị Quỳnh	Dung	11/12/1992	Kon Tum	K21VLK2	2120867112	ITA.34B	<i>[Signature]</i>	0		Mất bài
9	Phạm Thị Khánh	Dung	10/12/1997	Bình Định	K21VLK2	2120315199	ITA.34B	<i>[Signature]</i>	6,0	Sau y	
10	Ngô Đức	Duy	16/01/1996	Đà Nẵng	K20DLK1	2021713848	ITA.34B	<i>[Signature]</i>			K nộp đơn k đc dự thi
11	Hà Mỹ Kỳ	Duyên	10/09/1997	Phú Yên	K21VLK2	2120863933	ITA.34B	<i>[Signature]</i>	6,8	Sau tam	
12	Hồ Thị Mỹ	Duyên	06/04/1997	Gia Lai	K21VLK2	2120868532	ITA.34B	<i>[Signature]</i>	6,5	Sau năm	
13	Đàm Hoàng Thy	Hạ	05/10/1996	Đà Nẵng	K21VLK2	2120867329	ITA.34B	<i>[Signature]</i>	6,8	Sau tam	
14	Phan Tấn	Hiếu	24/08/1995	Đà Nẵng	K19EDT1	1921173798	ITA.34B	<i>[Signature]</i>			Cấm thi
15	Trần Huy	Hoàng	20/08/1995	Quảng Nam	K19KTR2	1921413597	ITA.34B	<i>[Signature]</i>			K nộp đơn k đc dự thi
16	Huỳnh Trọng	Hưng	28/09/1994	Đà Nẵng	K19YDH4	1921524677	ITA.34B	<i>[Signature]</i>			K nộp đơn k đc dự thi
17	Lê Uyên	Khanh	17/08/1997	Đà Nẵng	K21QTC1	2120239521	ITA.34B	<i>[Signature]</i>	8,8	Tam tam	
18	Đặng Văn	Lập	10/04/1996	Quảng Nam	K20EVT	2021165822	ITA.34B	<i>[Signature]</i>	8,8	Tam tam	
19	Lâm Khánh	Linh	03/04/1997	Đà Nẵng	K21QTM2	2120213356	ITA.34B	<i>[Signature]</i>	5,8	Năm tam	
20	Nguyễn Thị Thùy	Linh	12/09/1997	Quảng Bình	K21VHD	2120349315	ITA.34B	<i>[Signature]</i>			K nộp đơn k đc dự thi
21	Huỳnh Ngọc	Long	07/09/1995	Đắk Lắk	K20EVT	2021170570	ITA.34B	<i>[Signature]</i>	5,8	Năm tam	
22	Khúc Thị Cẩm	Ly	13/11/1995	Đắk Lắk	K21VLK7	2120869595	ITA.34B	<i>[Signature]</i>	5,8	Năm tam	
23	Nguyễn Lê Phương	Ngọc	12/11/1996	Quảng Trị	K20KMQ	2020634143	ITA.34B	<i>[Signature]</i>			K nộp đơn k đc dự thi
24	Võ Thị Mỹ	Nhân	28/08/1996	Quảng Trị	K20KMQ	2020634876	ITA.34B	<i>[Signature]</i>	6,3	Sau ba	
25	Bùi Thị Kim	Nhung	08/10/1997	Quảng Trị	K21QTC	2120235972	ITA.34B	<i>[Signature]</i>	5,8	Năm tam	
26	Phan Thị	Nhung	01/02/1996	Quảng Nam	K21DLK10	2120717460	ITA.34B	<i>[Signature]</i>	6,0	Sau y	
27	Cao Văn	Quân	22/02/1995	Quảng Nam	K19KTR1	1921413644	ITA.34B	<i>[Signature]</i>			K nộp đơn k đc dự thi
28	Hồ Ngọc	Quốc	06/01/1995	Đà Nẵng	K20KMQ	2021643761	ITA.34B	<i>[Signature]</i>	7,0	Báo y	
29	Nguyễn Thanh	Quý	10/04/1995	Quảng Nam	K19KTR2	1920413603	ITA.34B	<i>[Signature]</i>			K nộp đơn k đc dự thi
30	Huỳnh Tấn	Thắng	23/10/1996	Quảng Nam	K20DLI2	202880948	ITA.34B	<i>[Signature]</i>			Cấm thi

T	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp DTU	MSSV	Lớp TT	Chữ ký	ĐIỂM		Gh chú
									Số	Chữ	
1	Nguyễn Thọ	Thảo	06/03/1996	Quảng Trị	K20EVT	2021166485	ITA.34B	Nhaz	7.0	Bảy y	
2	Nguyễn Hữu	Thịnh	24/09/1995	Quảng Nam	K19KTR2	1920413633	ITA.34B				K nộp đ k đc dự
3	Đặng Thị Anh	Thư	25/09/1997	Quy Nhơn	Luật 7	2120325308	ITA.34B	Thư	6.0	Sáu y	
4	Phan Thị Hiền	Thục	25/10/1995	Quảng Ngãi	K20NAD3	2020647779	ITA.34B	Thục	4.0	Bốn y	
5	Đào Đoàn Hoài	Thương	30/05/1997	Quảng Nam	K21VLK7	2120867593	ITA.34B	Thương	7.0	Bảy y	
6	Phan Thị Kim	Thúy	01/06/1997	Quảng Ngãi	K21VLK7	2120867817	ITA.34B	Thúy	5.8	Năm tám	
7	Lê Nguyễn Thùy	Tiên	16/04/1996	Quảng Ngãi	K21TDH11	2120524690	ITA.34B	Tiên	6.0	Sáu y	
8	Võ Tấn	Tiền	12/11/1997	Đà Nẵng	K21YDH11	2120526791	ITA.34B	Tiền	6.0	Sáu y	
9	Nguyễn Thị Ngọc	Trúc	04/02/1997	Quảng Ngãi	K21VLK8	2120866247	ITA.34B	Trúc	5.5	Năm năm	
0	Nguyễn Văn	Tuấn	22/01/1996	Quảng Nam	K20EVT	2021166038	ITA.34B	Tuấn	4.0	Bốn y	
1	Võ Thị Thanh	Tuyền	23/02/1997	Quảng Nam	K21QTH6	2120213384	ITA.34B	Tuyền	5.3	Năm ba	
2	Phan Thị Hồng	Vân	11/01/1997	Gia Lai	K21VLK8	2120713610	ITA.34B				Cấm thi
3	Đỗ Thị Như	Vũ	06/11/1997	Quảng Nam	K21NAD1	2120317831	ITA.34B				K nộp đơn k đc dự thi
4	Võ Thị Triệu	Uy	17/09/1990				ITA.34B				Nợ CB k đc thi NC
5	Lê Anh	Vương	01/06/1996	Đà Nẵng	K20PSUDLK2	2021725873	ITA.16B	Vương	7.0	Bảy y	Thi ghép
6	Lê Hà	Anh	08/07/1996	Quảng Nam	K20DLK4	2020716798	ITA.23B	Anh	5.0	Năm y	Thi ghép
7	Nguyễn Thị Thúy	Vy	03/10/1996	Đà Nẵng	K20DLK2	2020716392	ITA.23B	Thúy	7.0	Bảy y	Thi ghép
8	Nguyễn Thị Phương	Trình	09/12/1995	Quảng Nam	D22YDD	1910517591	ITA.32A	Trình	5.0	Năm y	Thi ghép
9	Trần Thị Kim	Phụng	18/08/1996	Kon Tum	K20YDD1	2020523199	ITA.33B	Phụng	5.5	Năm năm	Thi ghép
0	Nguyễn Thị Thùy	Linh	24/11/1997	Quảng Trị	K21YDD4	2120514890	ITA.40A	Linh	6.0	Sáu y	Thi ghép
1	Võ Trần Phương	Thương	28/06/1997	Đắk Lắk	K21YDD4	2120514927	ITA.40A	Thương	5.0	Năm y	Thi ghép
2											
3											
4											
5											
6											

Tổng số HV/Dự thi: ...3.8...

Vắng: ...13

DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ THI TỐT NGHIỆP
CHỨNG CHỈ CHUẨN KỸ NĂNG SỬ DỤNG CNTT NĂNG CAO - KHÓA ITA.34B
MÔN: KIẾN THỨC CHUNG - MÃ MÔN: B2

Thời gian: 17h45 - Ngày 20/9/2018 - Phòng máy 507/Tầng 5 - Tại 03 Quang Trung

Số TT	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp DTU	MSSV	Lớp TT	Chữ ký	ĐIỂM		Ghi chú
									Số	Chữ	
1	Trần Thị Bích	Ánh	10/11/1997	Đắk Lắk	K21LAW1	2120863952	ITA.34B	<i>Ánh</i>	5,0	Nam y	
2	Đào Đức	Đạt	27/08/1997	Gia Lai	K21VLK	2121863976	ITA.34B	<i>Đạt</i>	6,0	Sau y	
3	Trần Thị Thanh	Diệu	15/12/1997	Quảng Nam	K21VLK2	2120868624	ITA.34B	<i>Đạt</i>	7,3	huy ba	
4	Phan Thục	Đoan	15/11/1997	Quảng Nam	K21VLK	2120867110	ITA.34B	<i>Thục</i>	6,0	Sau y	
5	Ngô Công	Doanh	01/01/1997	Đắk Lắk	K21VLK2	2121869142	ITA.34B	<i>Doanh</i>	5,0	Nam y	
6	Lê Bá	Đông	12/05/1995	Quảng Trị	K20EVT	2021166363	ITA.34B	<i>Đông</i>	5,5	Nam y	
7	Lê Phương	Dung	04/05/1997	Quảng Nam	K21PSUQTH4	2120114110	ITA.34B	<i>Đông</i>	6,0	Sau y	
8	Nguyễn Thị Quỳnh	Dung	11/12/1992	Kon Tum	K21VLK2	2120867112	ITA.34B	<i>Đông</i>	6,0	Sau y	
9	Phạm Thị Khánh	Dung	10/12/1997	Bình Định	K21VLK2	2120315199	ITA.34B	<i>Đông</i>	5,5	Nam y	
10	Ngô Đức	Duy	16/01/1996	Đà Nẵng	K20DLK1	2021713848	ITA.34B				K nộp đơn k đc dự thi
11	Hà Mỹ Kỳ	Duyên	10/09/1997	Phú Yên	K21VLK2	2120863933	ITA.34B	<i>Duyên</i>	6,0	Sau y	
12	Hồ Thị Mỹ	Duyên	06/04/1997	Gia Lai	K21VLK2	2120868532	ITA.34B	<i>Duyên</i>	5,0	Nam y	
13	Đàm Hoàng Thy	Hạ	05/10/1996	Đà Nẵng	K21VLK2	2120867329	ITA.34B	<i>Hạ</i>	6,3	Sau y	
14	Phan Tấn	Hiếu	24/08/1995	Đà Nẵng	K19EDT1	1921173798	ITA.34B				Cấm thi
15	Trần Huy	Hoàng	20/08/1995	Quảng Nam	K19KTR2	1921413597	ITA.34B				K nộp đơn k đc dự thi
16	Huỳnh Trọng	Hung	28/09/1994	Đà Nẵng	K19YDH4	1921524677	ITA.34B				K nộp đơn k đc dự thi
17	Lê Uyên	Khanh	17/08/1997	Đà Nẵng	K21QTC1	2120239521	ITA.34B	<i>Thanh</i>	7,3	huy ba	
18	Đặng Văn	Lập	10/04/1996	Quảng Nam	K20EVT	2021165822	ITA.34B	<i>Thanh</i>	7,3	huy ba	
19	Lâm Khánh	Linh	03/04/1997	Đà Nẵng	K21QTM2	2120213356	ITA.34B	<i>Thanh</i>	5,8	Nam y	
20	Nguyễn Thị Thùy	Linh	12/09/1997	Quảng Bình	K21VHD	2120349315	ITA.34B				K nộp đơn k đc dự thi
21	Huỳnh Ngọc	Long	07/09/1995	Đắk Lắk	K20EVT	2021170570	ITA.34B	<i>Long</i>	6,5	Sau y	
22	Khúc Thị Cẩm	Ly	13/11/1995	Đắk Lắk	K21VLK7	2120869595	ITA.34B	<i>Ly</i>	7,3	Nam y	
23	Nguyễn Lê Phương	Ngọc	12/11/1996	Quảng Trị	K20KMQ	2020634143	ITA.34B				K nộp đơn k đc dự thi
24	Võ Thị Mỹ	Nhân	28/08/1996	Quảng Trị	K20KMQ	2020634876	ITA.34B	<i>Nhân</i>	5,0	Nam y	
25	Bùi Thị Kim	Nhung	08/10/1997	Quảng Trị	K21QTC	2120235972	ITA.34B	<i>Nhung</i>	6,5	Sau y	
26	Phan Thị	Nhung	01/02/1996	Quảng Nam	K21DLK10	2120717460	ITA.34B	<i>Nhung</i>	5,0	Nam y	
27	Cao Văn	Quân	22/02/1995	Quảng Nam	K19KTR1	1921413644	ITA.34B				K nộp đơn k đc dự thi
28	Hồ Ngọc	Quốc	06/01/1995	Đà Nẵng	K20KMQ	2021643761	ITA.34B	<i>Quốc</i>	5,3	Nam y	
29	Nguyễn Thanh	Quý	10/04/1995	Quảng Nam	K19KTR2	1920413603	ITA.34B				K nộp đơn k đc dự thi
30	Huỳnh Tấn	Thắng	23/10/1996	Quảng Nam	K20DLL2	202880948	ITA.34B				Cấm thi

ST	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp DTU	MSSV	Lớp TT	Chữ ký	ĐIỂM		Ghi chú
									Số	Chữ	
31	Nguyễn Thọ	Thảo	06/03/1996	Quảng Trị	K20EVT	2021166485	ITA.34B	<i>Thảo</i>	6,5	Sau hu	
32	Nguyễn Hữu	Thịnh	24/09/1995	Quảng Nam	K19KTR2	1920413633	ITA.34B				K nộp đơn k dự thi
33	Đặng Thị Anh	Thư	25/09/1997	Quy Nhơn	Luật 7	2120325308	ITA.34B	<i>Thư</i>	5,0	Nam y	
34	Phan Thị Hiền	Thục	25/10/1995	Quảng Ngãi	K20NAD3	2020647779	ITA.34B	<i>Thục</i>	5,0	Nam y	
35	Đào Đoàn Hoài	Thương	30/05/1997	Quảng Nam	K21VLK7	2120867593	ITA.34B	<i>Thương</i>	7,0	Nam y	
36	Phan Thị Kim	Thúy	01/06/1997	Quảng Ngãi	K21VLK7	2120867817	ITA.34B	<i>Thúy</i>	5,0	Nam y	
37	Lê Nguyễn Thủy	Tiên	16/04/1996	Quảng Ngãi	K21TDH1	2120524690	ITA.34B	<i>Tiên</i>	5,8	Nam y	
38	Võ Tấn	Tiền	12/11/1997	Đà Nẵng	K21YDH1	2120526791	ITA.34B	<i>Tiền</i>	5,5	Nam y	
39	Nguyễn Thị Ngọc	Trúc	04/02/1997	Quảng Ngãi	K21VLK8	2120866247	ITA.34B	<i>Trúc</i>	5,3	Nam y	
40	Nguyễn Văn	Tuấn	22/01/1996	Quảng Nam	K20EVT	2021166038	ITA.34B	<i>Tuấn</i>	5,3	Nam y	
41	Võ Thị Thanh	Tuyền	23/02/1997	Quảng Nam	K21QTH6	2120213384	ITA.34B	<i>Tuyền</i>	5,3	Nam y	
42	Phan Thị Hồng	Vân	11/01/1997	Gia Lai	K21VLK8	2120713610	ITA.34B				Cấm thi
43	Đỗ Thị Như	Vũ	06/11/1997	Quảng Nam	K21NAD1	2120317831	ITA.34B				K nộp đơn k dự thi
44	Võ Thị Triệu	Uy	17/09/1990				ITA.34B				Nợ CB k dự thi NC
45	Lê Anh	Vương	01/06/1996	Đà Nẵng	K20PSUDLK2	2021725873	ITA.16B	<i>Lê Anh</i>	6,0	Sau hu	Thi ghép
46	Lê Hà	Anh	08/07/1996	Quảng Nam	K20DLK4	2020716798	ITA.23B	<i>Lê Hà</i>	6,3	Sau hu	Thi ghép
47	Nguyễn Thị Thúy	Vy	03/10/1996	Đà Nẵng	K20DLK2	2020716392	ITA.23B	<i>Thúy</i>	5,0	Nam y	Thi ghép
48	Nguyễn Thị Phương	Trình	09/12/1995	Quảng Nam	D22YDD	1910517591	ITA.32A	<i>Trình</i>	5,3	Nam y	Thi ghép
49	Trần Thị Kim	Phụng	18/08/1996	Kon Tum	K20YDD1	2020523199	ITA.33B	<i>Phụng</i>	5,3	Nam y	Thi ghép
50	Nguyễn Thị Thùy	Linh	24/11/1997	Quảng Trị	K21YDD4	2120514890	ITA.40A	<i>Linh</i>	5,0	Nam y	Thi ghép
51	Võ Trần Phương	Thương	28/06/1997	Đắk Lắk	K21YDD4	2120514927	ITA.40A	<i>Thương</i>	5,3	Nam y	Thi ghép
52											
53											
54											
55											
56											

Tổng số HV/Dự thi: 38

Vắng: 13